



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
10 NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**VIỆT ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NA**



## MỤC LỤC

|  | Trang   |
|--|---------|
| 1. Mục lục   | 1       |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị   | 2 - 4   |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập   | 5 - 6   |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018   | 7 - 10  |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 11      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018           | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018    | 14 - 46 |

\*\*\*\*\*



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty" hoặc "Công ty mẹ") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn")

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tiền thân là Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, được thành lập theo Quyết định số 4797/QĐ/BNN-TCCB ngày 29 tháng 10 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng theo Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB ngày 09 tháng 12 năm 2004 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103009916 ngày 30 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi thông tin doanh nghiệp, trong đó đăng ký thay đổi lần thứ 12 về việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 8.693.434
- Fax : 0243 8.691.568

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị            | Địa chỉ   |
|-----------------------|---|
| Chi nhánh Tuyên Quang | Xã Hưng Thành, thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang           |
| Chi nhánh Thanh Hóa   | Ngã Ba Chẽ, xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa      |
| Chi nhánh Miền Trung  | Xã Hương Vân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế            |
| Chi nhánh Hồ Chí Minh | Số 1, Ngõ Bệ, Phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh |

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
- Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm            |
|----------------------|------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Ngọc Bình | Chủ tịch   | Ngày 14 tháng 3 năm 2015 |
| Ông Trần Hải Anh     | Thành viên | Ngày 14 tháng 3 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Văn Huyền | Thành viên | Ngày 14 tháng 3 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Ngọc Hưng | Thành viên | Ngày 14 tháng 3 năm 2015 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

**Ban Kiểm soát**

| Họ và tên             | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm            |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| Bà Nghiêm Thị Mai Hoa | Trưởng ban | Ngày 14 tháng 3 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Tiến Hiền  | Thành viên | Ngày 14 tháng 3 năm 2015 |
| Bà Hoàng Thị Kim Anh  | Thành viên | Ngày 14 tháng 3 năm 2015 |

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên                 | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm           |
|---------------------------|-------------------|-------------------------------------|
| Ông Trần Hải Anh          | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2018   |
| Ông Nguyễn Ngọc Bình      | Tổng Giám đốc     | Miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2018 |
| Bà Ninh Thị Luân          | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Văn Huyền      | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2009   |
| Ông Ngô Tuấn Anh          | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2011  |
| Ông Nguyễn Ngọc Hưng      | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2013   |
| Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016  |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Bình – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2015).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

---

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

Ngày 02 tháng 4 năm 2019



Số: 2.0384/19/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 02 tháng 4 năm 2019, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi không thể xác nhận đầy đủ hoặc kiểm tra bằng các thủ tục kiểm toán thay thế đối với số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vào ngày 26 tháng 3 năm 2018 với ý kiến chấp nhận toàn phần, trong đó có nhấn mạnh về việc Công ty đang thực hiện tái cơ cấu nợ vay ngân hàng và không tính toán khoản lãi vay với số tiền là 21.949.228.290 VND theo thông báo số 135/VCB-TLO-KHDN ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc giảm lãi vay.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

**Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708-2018-008-1

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   |            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         |            | <b>100</b> |             | <b>677.226.668.132</b> | <b>943.475.714.062</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b> |             | <b>6.741.307.327</b>   | <b>11.472.597.704</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |            |             | 6.741.307.327          | 11.472.597.704         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |            |             | -                      | -                      |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |            |             | <b>10.265.017.600</b>  | <b>318.432.000</b>     |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        | V.2a       |             | 342.250.000            | 342.250.000            |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        | V.2a       |             | (77.232.400)           | (23.818.000)           |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2d       |             | 10.000.000.000         | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |            |             | <b>350.879.028.851</b> | <b>548.608.868.780</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3        |             | 398.082.927.951        | 418.319.489.682        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4        |             | 64.259.629.494         | 83.706.260.529         |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |            |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |            |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |            |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5        |             | 197.115.268.466        | 261.117.177.727        |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6        |             | (308.842.803.123)      | (214.798.065.220)      |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |            |             | 264.006.062            | 264.006.062            |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> | <b>V.7</b> |             | <b>307.423.486.674</b> | <b>379.563.885.975</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        |            |             | 394.117.161.165        | 453.461.359.044        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |            |             | (86.693.674.491)       | (73.897.473.069)       |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |            |             | <b>1.917.827.680</b>   | <b>3.511.929.603</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a       |             | 57.616.409             | 69.462.732             |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |            |             | 1.860.211.271          | 3.442.466.871          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |            |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |            |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |            |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>988.104.550.241</b>   | <b>879.151.404.879</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                        | -                        |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                        | -                        |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                        | -                        |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                        | -                        |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                        | -                        |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>500.346.333.067</b>   | <b>523.408.316.482</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 500.346.333.067          | 523.408.316.482          |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 634.209.271.532          | 640.710.805.222          |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (133.862.938.465)        | (117.302.488.740)        |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                        | -                        |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                        | -                        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                        | -                        |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        |             | -                        | -                        |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | -                        | -                        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | -                        | -                        |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                        | -                        |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                        | -                        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                        | -                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>458.409.037.544</b>   | <b>326.479.162.921</b>   |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                        | -                        |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.10        | 458.409.037.544          | 326.479.162.921          |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>29.195.062.944</b>    | <b>29.149.827.436</b>    |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                        | -                        |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        | V.2b        | 27.395.062.944           | 27.349.827.436           |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2c        | 5.400.000.000            | 5.400.000.000            |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        | V.2c        | (3.600.000.000)          | (3.600.000.000)          |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                        | -                        |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>154.116.686</b>       | <b>114.098.040</b>       |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 73.074.440               | 106.108.622              |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | 81.042.246               | 7.989.418                |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                        | -                        |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                        | -                        |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>1.665.331.218.373</b> | <b>1.822.627.118.941</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>1.266.258.980.295</b> | <b>1.318.524.267.100</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>637.964.657.213</b>   | <b>814.381.911.023</b>   |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.11        | 230.368.664.000          | 217.536.497.479          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.12        | 73.921.029.099           | 47.216.662.775           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.13        | 31.298.301.493           | 43.050.678.853           |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 1.733.311.214            | 2.910.028.086            |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.14a       | 139.503.327.150          | 165.097.499.334          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                        | -                        |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                        | -                        |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        | V.15a       | -                        | 2.590.909.091            |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.16a       | 115.786.725.724          | 153.031.759.613          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.17a       | 35.922.643.000           | 172.732.382.259          |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                        | -                        |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.19        | 9.430.655.533            | 10.215.493.533           |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                        | -                        |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>628.294.323.082</b>   | <b>504.142.356.077</b>   |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                        | -                        |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                        | -                        |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        | V.14b       | -                        | 73.425.044.177           |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                        | -                        |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        | V.15b       | 11.681.086.486           | 11.681.086.486           |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.16b       | 216.010.625.000          | 1.010.625.000            |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.17b       | 399.952.611.596          | 417.375.600.414          |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        | V.18        | 650.000.000              | 650.000.000              |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                        | -                        |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                        | -                        |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                        | -                        |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                        | -                        |



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>399.072.238.078</b>   | <b>504.102.851.841</b>   |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.20</b> | <b>399.072.238.078</b>   | <b>504.092.543.903</b>   |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 575.100.000.000          | 575.100.000.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 575.100.000.000          | 575.100.000.000          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | 32.960.749.348           | 32.960.749.348           |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                        | -                        |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                        | -                        |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | (73.426.398.513)         | (73.426.398.513)         |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                        | -                        |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                        | -                        |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 28.817.258.755           | 28.817.258.755           |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                        | -                        |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                        | -                        |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | (328.087.683.256)        | (173.880.302.493)        |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | (173.984.186.484)        | (173.880.302.493)        |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | (154.103.496.772)        | -                        |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                        | -                        |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát             | 429        |             | 163.708.311.743          | 114.521.236.806          |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | <b>-</b>                 | <b>10.307.938</b>        |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                        | -                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                        | 10.307.938               |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>1.665.331.218.373</b> | <b>1.822.627.118.941</b> |

Người lập biểu

Hoàng Mạnh Tuấn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chinh Lương

Lập, ngày 02 tháng 4 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

ABB  
CHỖ  
CỔ  
HÀNH  
10A  
A  
TÀI  
Đ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND         |                          |
|--|-------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|  |       |             | Năm nay                  | Năm trước                |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VL.1        | 106.763.668.658          | 130.739.312.866          |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | -                        | -                        |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 106.763.668.658          | 130.739.312.866          |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VL.2        | 153.079.497.186          | 105.465.109.962          |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | (46.315.828.528)         | 25.274.202.904           |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VL.3        | 3.216.690.261            | 3.453.064.736            |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VL.4        | 21.098.940.484           | 17.817.042.778           |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 19.686.747.678           | 20.400.425.120           |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    | V.2b        | 45.235.508               | 3.512.920.623            |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VL.5        | 1.550.150                | 18.782.050               |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VL.6        | 100.987.957.965          | 208.318.788.437          |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | (165.142.351.358)        | (193.914.425.002)        |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | VL.7        | 9.514.169.836            | 8.116.161.874            |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VL.8        | 301.051.785              | 6.269.021.155            |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | 9.213.118.051            | 1.847.140.719            |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | (155.929.233.307)        | (192.067.284.283)        |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    |             | 66.905.346               | 15.335.431.630           |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    | VL.9        | (73.052.828)             | 20.943.164               |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | <u>(155.923.085.825)</u> | <u>(207.423.659.077)</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | <u>(154.103.496.772)</u> | <u>(207.998.709.844)</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | <u>(1.819.589.053)</u>   | <u>575.050.767</u>       |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.10       | <u>(2.961)</u>           | <u>(3.996)</u>           |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.10       | <u>(2.961)</u>           | <u>(3.996)</u>           |

Người lập biểu

Hoàng Mạnh Tuấn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chinh Lương

Lập, ngày 02 tháng 4 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

• Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | Năm nay                  | Năm trước               |
|--|-----------|----------------|--------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |                |                          |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |                | (155.929.233.307)        | (192.067.284.283)       |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |                |                          |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.9            | 22.928.253.760           | 24.411.233.490          |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |                | 106.894.353.725          | 177.519.788.410         |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |                | 283.311.447              | 379.073.398             |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |                | (3.252.762.000)          | 19.130.726.625          |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | VI.6           | 19.686.747.678           | 20.400.425.120          |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |                | -                        | -                       |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |                | (9.389.328.697)          | 49.773.962.760          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |                | 105.267.357.626          | (91.115.509.094)        |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |                | 59.344.197.879           | 12.013.052.919          |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |                | 158.923.383.875          | 45.988.059.267          |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |                | 44.880.505               | 398.687.536             |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |                | -                        | -                       |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |                | (77.407.890.164)         | (25.336.874.207)        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | V.13           | (192.471.449)            | (1.243.247.313)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |                | -                        | -                       |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        | V.19           | (784.838.000)            | (571.850.000)           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |                | <b>235.805.291.575</b>   | <b>(10.093.718.132)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |                |                          |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |                | (121.794.378.747)        | (122.464.130.386)       |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |                | 363.636.369              | 726.818.182             |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        | V.2d           | (10.000.000.000)         | -                       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |                | -                        | -                       |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |                | -                        | (19.064.078)            |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |                | -                        | 34.741.634.000          |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |                | 3.199.323.333            | 4.900                   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |                | <b>(128.231.419.045)</b> | <b>(87.014.737.382)</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã Thuyết |            | Năm nay                  | Năm trước             |
|--|-----------|------------|--------------------------|-----------------------|
|  | số        | minh       |                          |                       |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |            |                          |                       |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        | V.20       | 50.902.780.000           | -                     |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |            | -                        | -                     |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | V.17       | 186.933.013.853          | 148.107.901.821       |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.17       | (350.140.313.288)        | (51.769.522.500)      |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |            | -                        | -                     |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |            | -                        | -                     |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>  | <i>40</i> |            | <i>(112.304.519.435)</i> | <i>96.338.379.321</i> |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>  | <i>50</i> |            | <i>(4.730.646.905)</i>   | <i>(770.076.193)</i>  |
| <i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>  | <i>60</i> | <i>V.1</i> | <i>11.472.597.704</i>    | <i>12.240.784.017</i> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |            | (643.472)                | 1.889.880             |
| <i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>  | <i>70</i> | <i>V.1</i> | <i>6.741.307.327</i>     | <i>11.472.597.704</i> |
|  |           |            |                          | 0                     |

Người lập biểu

Hoàng Mạnh Tuấn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chính Lương

Lập, ngày 02 tháng 4 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
- Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

#### 5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty                                    | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính     | Tỷ lệ lợi ích |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|--|---|--------------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
|  |   |                                | Số cuối năm   | Số đầu năm | Số cuối năm            | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện An pha        | Số 214 đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La         | Hoạt động thủy điện            | 59,5%         | 64,63%     | 51%                    | 64,63%     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Meco | Ngõ 102 đường Trường Chinh, quận Đống Đa, Hà Nội            | Hoạt động thủy điện            | 95,09%        | 100%       | 89%                    | 89%        |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Meco                | Thôn Đồng Lạt, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | Hoạt động khai thác khoáng sản | 92,05%        | 92,03%     | 92,05%                 | 75%        |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Meco              | Ngõ 102 đường Trường Chinh, quận Đống Đa, Hà Nội            | Hoạt động kinh doanh xây lắp   | 67,5%         | 67,5%      | 67,5%                  | 67,5%      |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty  | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính       | Tỷ lệ phần sở hữu |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|--|---|----------------------------------|-------------------|------------|------------------------|------------|
|  |   |                                  | Số cuối năm       | Số đầu năm | Số cuối năm            | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi Meco Sài Gòn     | 205 Nguyễn Xi, phường 26 quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh | Xây dựng các công trình thủy lợi | 28,05%            | 28,05%     | 28,05%                 | 28,05%     |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng <sup>(i)</sup> | 2A14 tổ 1D, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội   | Hoạt động thủy điện              | 77,95%            | 35%        | 77,95%                 | 35%        |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm <sup>(ii)</sup>     | Thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên      | Kinh doanh, gia công cơ khí      | 100%              | 45%        | 100%                   | 45%        |

(i) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng là hơn 50% nhưng theo thỏa thuận Tập đoàn không có quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty này. Do vậy, Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng không bị Tập đoàn kiểm soát mà chỉ có ảnh hưởng đáng kể và được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

(ii) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm là 100% nhưng theo thỏa thuận Tập đoàn không có quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty này. Do vậy, Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm không bị Tập đoàn kiểm soát mà chỉ có ảnh hưởng đáng kể và được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

#### 5d. Danh sách Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình do không thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty này.

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình có địa chỉ trụ sở chính tại tiểu khu 4, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai khoáng. Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Công ty này là 32,49%, tỷ lệ lợi quyền biểu quyết là 46%.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 127 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 140 nhân viên).



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ trung bình của 03 ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của 03 ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

### 4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

###### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng tổng



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 20 - 50       |
| Máy móc và thiết bị             | 7 - 12        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 20        |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 3 - 10        |

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn thì hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 14. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                 | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
|---------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                        | 2.281.582.661        | 4.297.789.348         |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4.459.724.666        | 7.174.808.356         |
| <b>Cộng</b>                     | <b>6.741.307.327</b> | <b>11.472.597.704</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

##### 2a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, số đầu năm là 34.240 cổ phiếu, số cuối năm là 36.808 cổ phiếu, trong năm Công ty được chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 7,5%, số lượng cổ phiếu được chia thêm là 2.568 cổ phiếu, chi tiết như sau:

|                | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------|--------------------|-------------------|
| Giá gốc        | 342.250.000        | 342.250.000       |
| Giá trị hợp lý | 265.017.600        | 318.432.000       |
| Dự phòng       | (77.232.400)       | (23.818.000)      |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

|                            | <u>Năm nay</u>    | <u>Năm trước</u>  |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Số đầu năm                 | 23.818.000        | 184.746.000       |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 53.414.400        |                   |
| Hoàn nhập dự phòng         |                   | (160.928.000)     |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>77.232.400</b> | <b>23.818.000</b> |

##### 2b. Đầu tư vào công ty liên kết

|  | <u>Giá gốc</u>        | <u>Số cuối năm</u><br><u>Lợi nhuận phát</u><br><u>sinh sau ngày</u><br><u>đầu tư</u> | <u>Cộng</u>           | <u>Giá gốc</u>        | <u>Số đầu năm</u><br><u>Lợi nhuận phát</u><br><u>sinh sau ngày</u><br><u>đầu tư</u> | <u>Cộng</u>           |
|--|-----------------------|--|-----------------------|-----------------------|---|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn   | 4.207.240.000         | (4.207.240.000)  |                       | 4.207.240.000         | (4.207.240.000)   |                       |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng              | 16.730.363.345        |  | 16.730.363.345        | 16.730.363.345        |   | 16.730.363.345        |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm                   | 8.048.082.953         | 613.088.131  | 8.661.171.084         | 8.048.082.953         | 567.852.623   | 8.615.935.576         |
| Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình (*) | 2.241.470.000         | (237.941.485)  | 2.003.528.515         | 2.241.470.000         | (237.941.485)   | 2.003.528.515         |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>31.227.156.298</b> | <b>(3.832.093.354)</b>   | <b>27.395.062.944</b> | <b>31.227.156.298</b> | <b>(3.877.328.862)</b>  | <b>27.349.827.436</b> |

(\*) Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc do không thu thập được báo cáo tài chính năm 2018. Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư là số được xác định theo Báo cáo tài chính năm 2017.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các Công ty liên kết như sau:

|  | <u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u> | <u>Phần lãi hoặc lỗ trong năm</u> | <u>Giá trị phần sở hữu cuối năm</u> |
|--|------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn |                                    |                                   |                                     |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng            | 16.730.363.345                     |                                   | 16.730.363.345                      |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm                 | 8.615.935.576                      | 45.235.508                        | 8.661.171.084                       |
| Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình   | 2.003.528.515                      |                                   | 2.003.528.515                       |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>27.349.827.436</b>              | <b>45.235.508</b>                 | <b>27.395.062.944</b>               |

*Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết*

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng hiện đang trong giai đoạn đầu tư ban đầu xây dựng nhà máy thủy điện, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Giao dịch với các công ty liên kết*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các công ty liên kết.

### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|  | <u>Số cuối năm</u>   |                        | <u>Số đầu năm</u>    |                        |
|--|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
|  | <u>Giá gốc</u>       | <u>Dự phòng</u>        | <u>Giá gốc</u>       | <u>Dự phòng</u>        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển các khu công nghiệp Hà Tĩnh | 1.050.000.000        | (1.050.000.000)        | 1.050.000.000        | (1.050.000.000)        |
| Công ty Cổ phần BP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng                     | 1.800.000.000        |                        | 1.800.000.000        |                        |
| Công ty Cổ phần Ván nhân tạo Yên Bái                             | 2.550.000.000        | (2.550.000.000)        | 2.550.000.000        | (2.550.000.000)        |
| <b>Cộng</b>  | <b>5.400.000.000</b> | <b>(3.600.000.000)</b> | <b>5.400.000.000</b> | <b>(3.600.000.000)</b> |

*Giá trị hợp lý*

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

|                            | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm                 | 3.600.000.000        | 29.941.572.019       |
| Trích lập dự phòng bổ sung |                      | 1.050.000.000        |
| Hoàn nhập dự phòng         |                      | (27.391.572.019)     |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>3.600.000.000</b> | <b>3.600.000.000</b> |

### 2d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là số tiết kiệm có kỳ hạn số TK4560665, được Công ty ủy thác cho bà Lê Thị Bích Lộc đứng tên, theo hợp đồng ủy thác ngày 25/12/2018. Số tiết kiệm này đã được sử dụng để cầm cố cho khoản Bảo lãnh tạm ứng và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng thi công gói thầu Tân Mỹ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|  | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>                      | <b>29.269.788.799</b>         | <b>22.562.979.020</b>         |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm                         | 6.243.112.355                 | 6.293.112.355                 |
| Công ty Cổ phần Ván Nhân tạo Yên Bái                   | 10.188.163.252                | 10.188.163.252                |
| Nguyễn Thị Phương Ngọc                                 | 3.969.724.900                 | 3.969.724.900                 |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam | 8.868.788.292                 | 2.111.978.513                 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i>                    | <b>368.813.139.152</b>        | <b>395.756.510.662</b>        |
| Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc                         | 3.899.137.778                 | 7.041.088.073                 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Đại Dương                   | 115.061.656.391               | 129.798.032.043               |
| Phải thu khách hàng của Dự án 102 Trường Chinh         | 14.059.418.200                | 14.112.542.200                |
| Phải thu khách hàng của chi nhánh Tuyên Quang          | 45.500.000                    |                               |
| Phải thu khách hàng của chi nhánh Thanh Hóa            | 3.541.993.438                 | 3.541.993.438                 |
| Phải thu khách hàng của chi nhánh Hồ Chí Minh          | 3.279.437.636                 | 3.279.437.636                 |
| Các khách hàng khác                                    | 228.925.995.709               | 237.983.417.272               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>398.082.927.951</u></b> | <b><u>418.319.489.682</u></b> |

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i>            | -                            | <b>904.339.750</b>           |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm                    | -                            | 904.339.750                  |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i>               | <b>64.259.629.494</b>        | <b>82.801.920.779</b>        |
| Công ty DKS Co. Ltd                               | 23.145.455.220               | 23.145.455.220               |
| Công ty TNHH Kính Long Giang Hưng Yên             | 9.618.560.520                | 10.187.635.290               |
| Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam số 5 | 14.464.625.391               | 14.464.625.391               |
| Công ty TNHH Thiết bị điện Tân Thế Kỷ             | 2.425.757.639                | 23.720.370.436               |
| Các nhà cung cấp khác                             | 14.605.230.724               | 11.283.834.442               |
| <b>Cộng</b>                                       | <b><u>64.259.629.494</u></b> | <b><u>83.706.260.529</u></b> |

#### 5. Phải thu ngắn hạn khác

|   | <u>Số cuối năm</u>     |                        | <u>Số đầu năm</u>      |                        |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|   | <u>Giá trị</u>         | <u>Dự phòng</u>        | <u>Giá trị</u>         | <u>Dự phòng</u>        |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>   | <b>40.000.000.000</b>  |                        | <b>10.500.000.000</b>  |                        |
| Ông Nguyễn Ngọc Bình - Tạm ứng  | 20.500.000.000         |                        | 10.500.000.000         |                        |
| Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tạm ứng  | 19.500.000.000         |                        |                        |                        |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>   | <b>157.115.268.466</b> | <b>(9.471.310.523)</b> | <b>250.617.177.727</b> | <b>(9.471.310.523)</b> |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư - Xây dựng Bách Giang - DCI - Gốc và lãi vay  | -                      |                        | 72.582.746.667         |                        |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Xây dựng Bách Giang - DCI - Phải thu tiền hợp tác kinh doanh Dự án Khu Đô thị phía Đông huyện Văn Giang | -                      |                        | 35.000.000.000         |                        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|   | Số cuối năm            |                        | Số đầu năm             |                        |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|   | Giá trị                | Dự phòng               | Giá trị                | Dự phòng               |
| Tạm ứng cho cán bộ nhân viên                              | 122.274.544.005        |                        | 108.131.098.634        |                        |
| Ký cược, ký quỹ   | 15.700.000             |                        | 15.700.000             |                        |
| Công ty TNHH Ngọc Quyền                                   | 9.577.520.000          |                        | 12.124.495.000         |                        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác<br>chi nhánh Hồ Chí Minh | -                      |                        | 1.987.176.290          |                        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                          | 25.247.504.461         | (9.471.310.523)        | 20.775.961.136         | (9.471.310.523)        |
| <b>Cộng</b>   | <b>197.115.268.466</b> | <b>(9.471.310.523)</b> | <b>261.117.177.727</b> | <b>(9.471.310.523)</b> |

**6. Nợ xấu**

|  | Thời gian<br>quá hạn | Số cuối năm            |                           | Số đầu năm             |                           |
|--|----------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------|
|  |                      | Giá gốc                | Giá trị có<br>thể thu hồi | Giá gốc                | Giá trị có<br>thể thu hồi |
| <b>Các bên liên quan</b>                                 |                      | <b>10.188.163.252</b>  |                           | <b>10.188.163.252</b>  |                           |
| Công ty Cổ phần Văn nhân<br>tạo Yên Bái                  | Trên 3 năm           | 10.188.163.252         |                           | 10.188.163.252         |                           |
| <b>Các tổ chức và cá nhân<br/>khác</b>                   |                      | <b>316.737.639.871</b> | <b>18.083.000.000</b>     | <b>314.133.108.914</b> | <b>109.523.206.946</b>    |
| Công ty Cổ phần Thương<br>mại Đại Dương                  | Trên 3 năm           | 115.061.656.391        |                           | 115.061.656.391        | 34.518.496.917            |
| Công ty Cổ phần Cơ điện<br>và xây dựng Việt Nam số 5     | Trên 3 năm           | 45.049.975.366         |                           | 45.049.975.366         | 13.514.992.610            |
| Công ty Cổ phần Máy và<br>thiết bị Hà Nội                | Trên 3 năm           | 26.070.462.180         | 18.083.000.000            | 30.072.545.513         | 24.481.321.987            |
| Công ty Cổ phần Linh Gas<br>Việt Nam                     | Trên 3 năm           | 26.598.481.094         |                           | 26.598.481.094         | 7.979.544.328             |
| Công ty Cổ phần Nam<br>Vang                              | Trên 3 năm           | 23.341.230.322         |                           | 23.341.230.322         | 7.002.369.097             |
| Tổng Công ty Xây dựng<br>Thủy lợi 4 - CT Sông<br>Tranh 2 | Trên 3 năm           | 15.550.778.635         |                           | 15.550.778.635         | 4.665.233.591             |
| Công ty Cổ phần Cơ điện<br>và XDVN số 5                  | Trên 3 năm           | 14.464.625.391         |                           | 14.464.625.391         | 4.339.387.617             |
| Công ty Cổ phần Cơ khí<br>chính xác Vinashin             | Trên 3 năm           | 10.183.899.220         |                           | 10.183.899.220         | 3.055.169.766             |
| Phải thu các tổ chức và cá<br>nhân khác                  | Trên 3 năm           | 40.416.531.272         |                           | 33.809.916.982         | 9.966.691.633             |
| <b>Cộng</b>  |                      | <b>326.925.803.123</b> | <b>18.083.000.000</b>     | <b>324.321.272.166</b> | <b>109.523.206.946</b>    |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                            | Năm nay                | Năm trước              |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm                 | 214.798.065.220        | 10.775.776.791         |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 94.044.737.903         | 204.022.288.429        |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>308.842.803.123</b> | <b>214.798.065.220</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 7. Hàng tồn kho

|                                      | Số cuối năm            |                         | Số đầu năm             |                         |
|--------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
|                                      | Giá gốc                | Dự phòng                | Giá gốc                | Dự phòng                |
| Hàng mua đang đi trên đường          | 4.251.437.607          |                         | 6.464.879.810          |                         |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 29.990.104.918         |                         | 31.580.908.933         |                         |
| Công cụ, dụng cụ                     | 30.900.000             |                         | 31.650.000             |                         |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 357.600.170.580        | (86.693.674.491)        | 413.139.372.241        | (73.897.473.069)        |
| Thành phẩm                           | 94.211.080             |                         | 94.211.080             |                         |
| Hàng hóa                             | 2.031.817.685          |                         | 2.031.817.685          |                         |
| Hàng gửi đi bán                      | 118.519.295            |                         | 118.519.295            |                         |
| <b>Cộng</b>                          | <b>394.117.161.165</b> | <b>(86.693.674.491)</b> | <b>453.461.359.044</b> | <b>(73.897.473.069)</b> |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

|                     | Năm nay               | Năm trước             |
|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm          | 73.897.473.069        | 73.897.473.069        |
| Trích lập dự phòng  | 63.224.045.546        |                       |
| Sử dụng dự phòng(*) | (50.427.844.124)      |                       |
| <b>Số cuối năm</b>  | <b>86.693.674.491</b> | <b>73.897.473.069</b> |

(\*) Trong đó, bao gồm số sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho để bù đắp tổn thất chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các chi nhánh đã tạm dừng hoạt động (Chi nhánh Thanh Hóa, số tiền 2.505.879.805 VND và Chi nhánh Hồ Chí Minh, số tiền 40.793.541.255 VND), theo Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐQT và số 09/2018/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

#### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

|                      | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Cộng                   |
|----------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>    |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Số đầu năm           | 379.578.287.412           | 247.148.990.567        | 13.585.492.912                     | 398.034.331                  | 640.710.805.222        |
| Thanh lý, nhượng bán |                           | (6.319.715.508)        | (181.818.182)                      |                              | (6.501.533.690)        |
| <b>Số cuối năm</b>   | <b>379.578.287.412</b>    | <b>240.829.275.059</b> | <b>13.403.674.730</b>              | <b>398.034.331</b>           | <b>634.209.271.532</b> |

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng  
vẫn còn sử dụng

Chờ thanh lý

|   |                       |                       |                       |                    |                        |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|------------------------|
| Số đầu năm                              | 28.013.185.183        | 75.735.726.127        | 13.155.543.099        | 398.034.331        | 117.302.488.740        |
| Khấu hao trong năm                      | 11.301.427.917        | 11.355.144.802        | 271.681.041           |                    | 22.928.253.760         |
| Khấu hao từ nguồn kinh<br>phí sự nghiệp |                       | 10.307.938            |                       |                    | 10.307.938             |
| Thanh lý, nhượng bán                    |                       | (6.319.715.508)       | (58.396.465)          |                    | (6.378.111.973)        |
| <b>Số cuối năm</b>                      | <b>39.314.613.100</b> | <b>80.781.463.359</b> | <b>13.368.827.675</b> | <b>398.034.331</b> | <b>133.862.938.465</b> |

Giá trị còn lại

|                    |                        |                        |                   |  |                        |
|--------------------|------------------------|------------------------|-------------------|--|------------------------|
| Số đầu năm         | 351.565.102.229        | 171.413.264.440        | 429.949.813       |  | 523.408.316.482        |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>340.263.674.312</b> | <b>160.047.811.700</b> | <b>34.847.055</b> |  | <b>500.346.333.067</b> |

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|                                   | Chi phí phát           |                        | Kết chuyển<br>vào TSCĐ<br>trong năm | Số cuối năm            |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------------------|------------------------|
|                                   | Số đầu năm             | sinh trong năm         |                                     |                        |
| Mua sắm tài sản cố định           | 1.223.229.426          |                        |                                     | 1.223.229.426          |
| Xây dựng cơ bản dở dang           | 325.255.933.495        | 131.929.874.623        |                                     | 457.185.808.118        |
| - Công trình Nậm Hòa 1            | 296.048.029.214        | 130.689.112.795        |                                     | 426.737.142.009        |
| - Dự án Thủy điện Suối<br>Choang  | 22.719.868.147         | 1.240.536.792          |                                     | 23.960.404.939         |
| - Dự án mỏ đá Hòa Bình            | 6.380.731.594          | 225.036                |                                     | 6.380.956.630          |
| - Dự án khu đô thị Meco -<br>City | 107.304.540            |                        |                                     | 107.304.540            |
| <b>Cộng</b>                       | <b>326.479.162.921</b> | <b>131.929.874.623</b> |                                     | <b>458.409.037.544</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

|  | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------------------|------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>                      | <b>34.192.480.370</b>  | <b>38.428.700.339</b>  |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn         | 441.678.926            | 7.355.057.212          |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện              | 33.750.801.444         | 31.073.643.127         |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>                  | <b>196.176.183.630</b> | <b>179.107.797.140</b> |
| Sinotruck Liuzhou Yunli Special Vehicle Co. Ltd        | 19.823.530.480         | 19.428.349.520         |
| Công ty TNHH Xây dựng Thủy điện Thủy lợi Giang Tây     | 17.182.926.735         | 17.182.926.735         |
| Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Quốc Khánh | 11.617.829.000         | 11.617.829.000         |
| Các nhà cung cấp khác                                  | 147.551.897.415        | 130.878.691.885        |
| <b>Cộng</b>  | <b>230.368.664.000</b> | <b>217.536.497.479</b> |

#### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên quan</i>         | <b>13.940.200.625</b> | <b>2.592.268.140</b>  |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn | 9.900.149             | 9.900.149             |
| Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện      | 4.000.000.000         | -                     |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng            | 9.940.200.625         | 2.582.367.991         |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i>       | <b>59.980.828.474</b> | <b>44.624.394.635</b> |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác Vinashin      | 41.131.500.000        | 41.131.500.000        |
| Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi số 7   | 17.290.000.000        | -                     |
| Các khách hàng khác                            | 1.549.428.325         | 3.492.894.635         |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>73.921.029.099</b> | <b>47.216.662.775</b> |

#### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|  | Số đầu năm            | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm           |
|--|-----------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa             | 17.797.958.973        | 9.003.389.874         | (20.287.763.184)         | 6.513.585.663         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 15.928.373.621        | 66.905.346            | (192.471.449)            | 15.802.807.518        |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | 288.286.295           | 231.893.549           | (262.986.119)            | 257.193.725           |
| Thuế tài nguyên                        | 468.871.016           | 1.992.224.921         | (2.424.021.436)          | 37.074.501            |
| Tiền thuê đất                          | 162.953.911           | 328.822.936           | (350.822.936)            | 140.953.911           |
| Các loại thuế khác                     | 22.925.700            | 510.381.000           | (521.753.400)            | 11.553.300            |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 8.381.309.337         | 785.796.454           | (631.972.916)            | 8.535.132.875         |
| <b>Cộng</b>                            | <b>43.050.678.853</b> | <b>12.919.414.080</b> | <b>(24.671.791.440)</b>  | <b>31.298.301.493</b> |

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Thuế nhà đất*

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn

#### 14a. Chi phí phải trả ngắn hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>               | <i>5.450.222.484</i>          | <i>4.435.409.997</i>          |
| Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chi phí lãi vay phải trả | 5.450.222.484                 | 4.435.409.997                 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>     | <i>134.053.104.666</i>        | <i>160.662.089.337</i>        |
| Chi phí lãi vay phải trả                        | 16.272.464.664                | 24.399.051.734                |
| Lãi trái phiếu phải trả                         | 105.726.000                   | 105.726.000                   |
| Chi phí công trình                              | 114.375.800.404               | 132.586.205.278               |
| Chi phí hỗ trợ di dời                           | 1.620.400.273                 | 1.620.400.273                 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác              | 1.678.713.325                 | 1.950.706.052                 |
| <b>Cộng</b>                                     | <b><u>139.503.327.150</u></b> | <b><u>165.097.499.334</u></b> |

#### 14b. Chi phí phải trả dài hạn

Là chi phí lãi vay phải trả

### 15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

#### 15a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu cho thuê văn phòng.

#### 15b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là doanh thu nhận trước dự án 102 Trường Chinh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

|  | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
|--|------------------------|------------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>  | <b>5.282.309.515</b>   | <b>315.355.133</b>     |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn                             | 137.469.755            | 137.469.755            |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam-đặt cọc mua cổ phần | 5.000.000.000          |                        |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng  | 144.839.760            | 177.885.378            |
| <b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>                                 | <b>110.504.416.209</b> | <b>152.716.404.480</b> |
| Tài sản thừa chờ giải quyết  | -                      | 162.938.286            |
| Kinh phí công đoàn   | 194.375.693            | 203.975.334            |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp                       | 868.789.310            | 1.101.252.777          |
| Phải trả về cổ phần hóa  | 252.180.000            | 252.180.000            |
| Cổ tức lợi nhuận phải trả  | 2.770.883.026          | 2.770.883.026          |
| Phải trả ông Trần Ngọc Long tiền mua bán cổ phần                           | -                      | 41.010.970.000         |
| Phí bảo trì căn hộ   | 17.697.488.711         | 17.703.702.411         |
| Phải trả về Công trình Thành Thái  | -                      | 17.572.102.608         |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác   | 88.720.699.469         | 71.938.400.038         |
| <b>Cộng</b>  | <b>115.786.725.724</b> | <b>153.031.759.613</b> |

**16b. Phải trả dài hạn khác**

|  | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>    |
|--|------------------------|----------------------|
| <b>Phải trả bên liên quan</b>  | <b>215.000.000.000</b> |                      |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam – Góp vốn Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*) | 215.000.000.000        |                      |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>  | <b>1.010.625.000</b>   | <b>1.010.625.000</b> |
| Nhận ký quỹ ký cược  | 1.010.625.000          | 1.010.625.000        |
| <b>Cộng</b>  | <b>216.010.625.000</b> | <b>1.010.625.000</b> |

(\*) Căn cứ hợp đồng Hợp tác kinh doanh số:06/HDHT/MECO-TN ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam (Bên B), hai bên thỏa thuận cùng góp vốn liên doanh để đồng kiểm soát Khu vực hợp tác kinh doanh (gồm khối để trung tâm thương mại tòa HH1 và HH2, văn phòng Meco Complex, diện tích 7.000 m<sup>2</sup> và tầng hầm B1, B2, B3, tầng hầm B1-HH2, diện tích 5.000 m<sup>2</sup>). Thời hạn hợp đồng là 05 năm, kể từ ngày ký hợp đồng. Theo đó:

- Bên B góp vốn 215 tỷ VND, giao cho Bên A nắm giữ. Bên B được quyền: Sử dụng mặt bằng Khu vực hợp tác kinh doanh để khai thác, cho thuê và trực tiếp thu tiền từ cho thuê.
- Bên A được hưởng khoản tiền cố định 2,85 tỷ VND/quý, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Trong quá trình khai thác, nếu Bên B có nhu cầu mua lại Khu vực hợp tác kinh doanh, Bên A có nghĩa vụ ưu tiên bán lại Khu vực hợp tác kinh doanh cho Bên B, theo giá thỏa thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và kết quả định giá độc lập tại thời điểm Bên B đề nghị mua.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**17. Vay ngắn/dài hạn****17a. Vay ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|------------------------------|-------------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>  | <b>24.507.003.000</b>        | <b>63.207.003.000</b>         |
| Ông Nguyễn Ngọc Bình <sup>(1)</sup>  | 24.507.003.000               | 63.207.003.000                |
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>  | <b>4.327.250.000</b>         | <b>104.731.989.259</b>        |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn<br>- Chi nhánh Thiệu Hóa         | 27.250.000                   | 27.250.000                    |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi<br>nhánh Thăng Long                 | -                            | 100.204.739.259               |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi<br>nhánh Thái Nguyên <sup>(2)</sup> | 4.300.000.000                | 4.500.000.000                 |
| <i>Vay cá nhân</i>   | <b>1.008.390.000</b>         | <b>293.390.000</b>            |
| <i>Vay ngắn hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh<br/>V.17b)</i>                    | <b>6.080.000.000</b>         | <b>4.500.000.000</b>          |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>35.922.643.000</u></b> | <b><u>172.732.382.259</u></b> |

<sup>(1)</sup> Khoản vay Ông Nguyễn Ngọc Bình – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Thời hạn cho vay là 12 tháng, khoản vay được tiếp tục gia hạn khi đến thời gian đáo hạn mà người cho vay chưa có nhu cầu rút vốn. Lãi suất cho vay sẽ được hai bên thỏa thuận thống nhất khi tái toán hợp đồng vay.

<sup>(2)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 102/14/HĐTD/TN ngày 24 tháng 9 năm 2014 về việc cung cấp hạn mức cho vay: 20.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Bất động sản Meco. Thời hạn cho vay là 12 tháng tính từ ngày rút vốn đến ngày trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn. Lãi suất cho vay áp dụng theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và cố định trong thời gian hiệu lực của từng giấy nhận nợ.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                                  | <u>Số đầu năm</u>             | <u>Số tiền vay<br/>phát sinh</u> | <u>Kết chuyển từ<br/>vay dài hạn<br/>đến hạn trả</u> | <u>Số tiền vay đã<br/>trả</u>   | <u>Số cuối năm</u>           |
|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|--|---------------------------------|------------------------------|
| Vay ngắn hạn bên liên quan       | 63.207.003.000                | 78.545.000.000                   | -  | (117.245.000.000)               | 24.507.003.000               |
| Vay ngắn hạn các cá nhân<br>khác | 293.390.000                   | 715.000.000                      | -  | -                               | 1.008.390.000                |
| Vay ngắn hạn ngân hàng           | 104.731.989.259               | 4.300.000.000                    | -  | (104.704.739.259)               | 4.327.250.000                |
| Vay dài hạn đến hạn trả          | 4.500.000.000                 | -                                | 6.080.000.000  | (4.500.000.000)                 | 6.080.000.000                |
| <b>Số cuối năm</b>               | <b><u>172.732.382.259</u></b> | <b><u>83.560.000.000</u></b>     | <b><u>6.080.000.000</u></b>                          | <b><u>(226.449.739.259)</u></b> | <b><u>35.922.643.000</u></b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****17b. Vay dài hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>              | <i>34.597.220.000</i>         |                               |
| Ông Nguyễn Ngọc Bình                                       | 34.597.220.000                | -                             |
| <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>                               | <i>365.355.391.596</i>        | <i>417.375.600.414</i>        |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam                       | -                             | 121.650.574.029               |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La | 365.355.391.596               | 295.725.026.385               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>399.952.611.596</u></b> | <b><u>417.375.600.414</u></b> |

(\*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La số 02/02/2011/HDTDNH2 ngày 22 tháng 4 năm 2011, mục đích vay phục vụ đầu tư xây dựng Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Hóa 2. Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là tài sản cố định hình thành từ dự án.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

|                               | <u>Số đầu năm</u>             | <u>Số tiền vay phát sinh</u>  | <u>Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả</u> | <u>Số tiền vay đã trả</u>       | <u>Số cuối năm</u>            |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|--|---------------------------------|-------------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng         | 417.375.600.414               | 77.750.365.211                | (6.080.000.000)                                | (123.690.574.029)               | 365.355.391.596               |
| Vay dài hạn cá nhân liên quan |                               | 34.597.220.000                | -  |                                 | 34.597.220.000                |
| <b>Cộng</b>                   | <b><u>417.375.600.414</u></b> | <b><u>112.347.585.211</u></b> | <b><u>(6.080.000.000)</u></b>                  | <b><u>(123.690.574.029)</u></b> | <b><u>399.952.611.596</u></b> |

**18. Trái phiếu chuyển đổi**

Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi ngày 31 tháng 12 năm 2009, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 12%/năm để bổ sung nguồn vốn đầu tư vào các dự án của Công ty, trả lãi định kỳ 1 năm/lần, lãi không nhập gốc. Trái phiếu này đã hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngừng tính lãi từ thời điểm hết hạn.

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                   | <u>Số đầu năm</u>            | <u>Chi quỹ trong năm</u>    | <u>Số cuối năm</u>          |
|-----------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Quỹ khen thưởng                   | 5.424.407.990                |                             | 5.424.407.990               |
| Quỹ phúc lợi                      | 2.763.559.205                | (784.838.000)               | 1.978.721.205               |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 2.027.526.338                |                             | 2.027.526.338               |
| <b>Cộng</b>                       | <b><u>10.215.493.533</u></b> | <b><u>(784.838.000)</u></b> | <b><u>9.430.655.533</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|   | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần  | Cổ phiếu quỹ            | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng                   |
|---|---------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước                                      | 575.100.000.000           | 32.960.749.348        | (73.426.398.513)        | 28.817.258.755        | 34.551.042.977                    | 9.126.577.105                   | 607.129.229.672        |
| Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào Công ty con       |                           |                       |                         |                       |                                   | 104.819.608.934                 | 104.819.608.934        |
| Lợi nhuận trong năm trước                             |                           |                       |                         |                       | (207.998.709.844)                 | 575.050.767                     | (207.423.659.077)      |
| Giảm khác   |                           |                       |                         |                       | (432.635.626)                     | -                               | (432.635.626)          |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>                           | <b>575.100.000.000</b>    | <b>32.960.749.348</b> | <b>(73.426.398.513)</b> | <b>28.817.258.755</b> | <b>(173.880.302.493)</b>          | <b>114.521.236.806</b>          | <b>504.092.543.903</b> |
| Số dư đầu năm nay                                     | 575.100.000.000           | 32.960.749.348        | (73.426.398.513)        | 28.817.258.755        | (173.880.302.493)                 | 114.521.236.806                 | 504.092.543.903        |
| Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào Công ty con       |                           |                       |                         |                       |                                   | -                               | 50.902.780.000         |
| Lợi nhuận trong năm nay                               |                           |                       |                         |                       | (154.103.496.772)                 | (1.819.589.053)                 | (155.923.085.825)      |
| Tăng giảm do thay đổi tỷ lệ lợi ích trong Công ty con |                           |                       |                         |                       | (103.883.991)                     | 103.883.991                     | -                      |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                             | <b>575.100.000.000</b>    | <b>32.960.749.348</b> | <b>(73.426.398.513)</b> | <b>28.817.258.755</b> | <b>(328.087.683.256)</b>          | <b>163.708.311.743</b>          | <b>399.072.238.078</b> |

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                      | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|----------------------|------------------------|------------------------|
| Ông Nguyễn Ngọc Bình | 89.988.800.000         | 89.988.800.000         |
| Các cổ đông khác     | 485.111.200.000        | 485.111.200.000        |
| <b>Cộng</b>          | <b>575.100.000.000</b> | <b>575.100.000.000</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 20c. Cổ phiếu

|                                     | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 57.510.000         | 57.510.000        |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 57.510.000         | 57.510.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 57.510.000         | 57.510.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   |                    |                   |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | 5.460.000          | 5.460.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 5.460.000          | 5.460.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   |                    |                   |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 52.050.000         | 52.050.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 52.050.000         | 52.050.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   |                    |                   |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 21. Nguồn kinh phí

|                    | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u>  |
|--------------------|----------------|-------------------|
| Số đầu năm         | 10.307.938     | 20.793.190        |
| Chi sự nghiệp      | (10.307.938)   | (10.485.252)      |
| <b>Số cuối năm</b> | <b></b>        | <b>10.307.938</b> |

#### 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

|                     | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------|--------------------|-------------------|
| Ngoại tệ các loại   |                    |                   |
| Dollar Mỹ (USD)     | 788,70             | 837,54            |
| Euro (EUR)          | 317,22             | 328,14            |
| Nợ khó đòi đã xử lý | 4.857.933.003      | 4.857.933.003     |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|                                    | Năm nay                | Năm trước              |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa             | 35.896.212.480         | 7.862.891.531          |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng        | 18.554.450.909         | 68.017.904.645         |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản  | -                      | 192.244.942            |
| Doanh thu sản xuất kinh doanh điện | 28.070.877.437         | 32.667.634.421         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ         | 24.242.127.832         | 21.998.637.327         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>106.763.668.658</b> | <b>130.739.312.866</b> |

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn chỉ phát sinh doanh thu với bên liên quan là Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam như sau: Doanh thu tiền điện, cho thuê mặt bằng và hợp tác kinh doanh: 9.467.250.842 VND.

### 2. Giá vốn hàng bán

|   | Năm nay                | Năm trước              |
|---|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán                         | 34.914.874.037         | 7.387.496.822          |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng                       | 19.464.174.414         | 63.774.546.573         |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản                     | -                      | 192.244.942            |
| Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh điện          | 15.828.588.961         | 16.036.761.765         |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 63.224.045.546         | -                      |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp                     | 19.647.814.228         | 18.074.059.860         |
| <b>Cộng</b>   | <b>153.079.497.186</b> | <b>105.465.109.962</b> |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                           | Năm nay              | Năm trước            |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 17.366.928           | 5.263.643            |
| Lãi tiền cho vay          | 3.199.323.333        | 3.447.796.193        |
| Doanh thu tài chính khác  | -                    | 4.900                |
| <b>Cộng</b>               | <b>3.216.690.261</b> | <b>3.453.064.736</b> |

### 4. Chi phí tài chính

|  | Năm nay               | Năm trước             |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay  | 19.686.747.678        | 20.400.425.120        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 283.311.447           | 379.073.398           |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 53.414.400            | (3.089.069.080)       |
| Chi phí tài chính khác   | 1.075.466.959         | 126.613.340           |
| <b>Cộng</b>  | <b>21.098.940.484</b> | <b>17.817.042.778</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 5. Chi phí bán hàng

Là chi phí nhân viên bán hàng.

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 5.367.502.740                 | 1.781.261.181                 |
| Chi phí vật liệu quản lý         | 89.591.846                    | 160.717.530                   |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 74.647.262                    | 104.680.741                   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.702.404                     | 7.702.404                     |
| Thuế, phí và lệ phí              | 33.396.405                    | 9.000.000                     |
| Dự phòng phải thu khó đòi        | 94.044.737.903                | 204.022.288.429               |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 252.444.787                   | 923.637.780                   |
| Các chi phí khác                 | 1.117.934.618                 | 1.309.500.372                 |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>100.987.957.965</u></b> | <b><u>208.318.788.437</u></b> |

#### 7. Thu nhập khác

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 53.438.667                  | 75.459.414                  |
| Thu nhập từ lãi vay được miễn            | 9.240.225.140               |                             |
| Thu nhập khác                            | 220.506.029                 | 8.040.702.460               |
| <b>Cộng</b>                              | <b><u>9.514.169.836</u></b> | <b><u>8.116.161.874</u></b> |

#### 8. Chi phí khác

|                           | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>            |
|---------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 151.237.747               | 6.039.334.171               |
| Chi phí khác              | 149.814.038               | 229.686.984                 |
| <b>Cộng</b>               | <b><u>301.051.785</u></b> | <b><u>6.269.021.155</u></b> |

#### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.

#### 10. Lãi trên cổ phiếu

##### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|   | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp  | (154.103.496.772)     | (207.998.709.844)     |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | -                     | -                     |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu   | (154.103.496.772)     | (207.998.709.844)     |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm   | 52.050.000            | 52.050.000            |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>   | <b><u>(2.961)</u></b> | <b><u>(3.996)</u></b> |

##### 10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                       | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu         | 31.871.800.372                | 38.267.526.951                |
| Chi phí nhân công                     | 7.660.896.213                 | 9.091.485.084                 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định      | 7.890.710.437                 | 11.840.447.758                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài             | 47.659.504.560                | 4.332.170.787                 |
| Chi phí khác (*)                      | 194.359.817.893               | 276.494.476.717               |
| <b>Cộng</b>                           | <b><u>289.442.729.475</u></b> | <b><u>340.026.107.297</u></b> |
| <br>                                  |                               |                               |
| (*) trong đó                          |                               |                               |
| <i>Dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>   | <i>94.044.737.903</i>         | <i>204.022.288.429</i>        |
| <i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i> | <i>63.224.045.546</i>         | -                             |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### I. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### Ia. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt, cụ thể:

|                                | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|----------------|------------------|
| Thành viên HĐQT tạm ứng        | 19.500.000.000 |                  |
| Vay Chủ tịch HĐQT              | 71.097.220.000 |                  |
| Lãi vay phải trả Chủ tịch HĐQT | 3.108.360.432  |                  |

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.11, V.12 và V.16.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.723.936.562 VND (năm trước là 888.864.477 VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u>                              | <u>Mối quan hệ</u>              |
|--|---------------------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn         | Công ty liên kết                |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng                    | Công ty liên kết                |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm                         | Công ty liên kết                |
| Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình           | Công ty liên kết                |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam | Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT |
| Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện              | Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT |

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

|  | <u>Năm nay</u>  | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------|------------------|
| <b><i>Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam</i></b> |                 |                  |
| Góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh                                  | 215.000.000.000 | -                |
| Đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng              | 5.000.000.000   | -                |

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.11, V.12 và V.16.

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Trình bày các loại sản phẩm và dịch vụ trong mỗi lĩnh vực kinh doanh

- Lĩnh vực 01: Xây lắp
- Lĩnh vực 02: Kinh doanh bất động sản
- Lĩnh vực 03: Cung cấp điện thương phẩm
- Lĩnh vực 04: Kinh doanh khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|   | <b>Lĩnh vực xây lắp</b> | <b>Lĩnh vực kinh doanh<br/>bất động sản</b> | <b>Lĩnh vực bán điện<br/>thương phẩm</b> | <b>Các lĩnh vực khác</b> | <b>Cộng</b>              |
|---|-------------------------|---|--|--------------------------|--------------------------|
| <b>Năm nay</b>  |                         |   |  |                          |                          |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 18.554.450.909          |   | 28.070.877.437                           | 60.138.340.312           | 106.763.668.658          |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    |                         |   |  |                          | -                        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>18.554.450.909</b>   | <b>-</b>                                    | <b>28.070.877.437</b>                    | <b>60.138.340.312</b>    | <b>106.763.668.658</b>   |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | (909.723.505)           |   | 12.242.288.476                           | (57.648.393.499)         | (46.315.828.528)         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                         |   |  |                          | (100.989.508.115)        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                         |   |  |                          | (147.305.336.643)        |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết                                 |                         |   |  |                          | 45.235.508               |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                         |   |  |                          | 3.216.690.261            |
| Chi phí tài chính   |                         |   |  |                          | (21.098.940.484)         |
| Thu nhập khác   |                         |   |  |                          | 9.514.169.836            |
| Chi phí khác  |                         |   |  |                          | (301.051.785)            |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                         |   |  |                          | 66.905.346               |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                         |   |  |                          | (73.052.828)             |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                         |   |  |                          | <b>(155.923.085.825)</b> |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> |                         |   |  |                          |                          |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>3.984.699.703</b>    | <b>-</b>                                    | <b>6.028.419.679</b>                     | <b>12.915.134.378</b>    | <b>22.928.253.760</b>    |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|   | <b>Lĩnh vực xây lắp</b> | <b>Lĩnh vực kinh doanh<br/>bất động sản</b> | <b>Lĩnh vực bán điện<br/>thương phẩm</b> | <b>Các lĩnh vực khác</b> | <b>Cộng</b>              |
|---|-------------------------|---|--|--------------------------|--------------------------|
| <b>Năm trước</b>  |                         |   |  |                          |                          |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 68.017.904.645          | 192.244.942                                 | 32.667.634.421                           | 29.861.528.858           | 130.739.312.866          |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    |                         |   |  |                          | -                        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>68.017.904.645</b>   | <b>192.244.942</b>                          | <b>32.667.634.421</b>                    | <b>29.861.528.858</b>    | <b>130.739.312.866</b>   |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 4.243.358.072           |   | 16.630.872.656                           | 4.399.972.176            | 25.274.202.904           |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                         |   |  |                          | (208.337.570.487)        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                         |   |  |                          | (183.063.367.583)        |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết                                 |                         |   |  |                          | 3.512.920.623            |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                         |   |  |                          | 3.453.064.736            |
| Chi phí tài chính   |                         |   |  |                          | (17.817.042.778)         |
| Thu nhập khác   |                         |   |  |                          | 8.116.161.874            |
| Chi phí khác  |                         |   |  |                          | (6.269.021.155)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                         |   |  |                          | 15.335.431.630           |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                         |   |  |                          | 20.943.164               |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                         |   |  |                          | <b>(207.423.659.077)</b> |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> |                         |   |  |                          |                          |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>12.705.544.340</b>   | <b>35.910.789</b>                           | <b>6.102.217.935</b>                     | <b>5.578.045.677</b>     | <b>24.421.718.742</b>    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

|  | Lĩnh vực xây lắp | Lĩnh vực kinh doanh<br>bất động sản | Lĩnh vực bán điện<br>thương phẩm | Các lĩnh vực khác | Cộng                     |
|--|------------------|-------------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                     |                  |                                     |                                  |                   |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 501.456.439.345  | 264.343.043.008                     | 863.111.732.454                  | 7.224.940.621     | 1.636.136.155.429        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            |                  |                                     |                                  |                   |                          |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                  |                                     |                                  |                   | 29.195.062.944           |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                  |                                     |                                  |                   | <b>1.665.331.218.373</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 572.456.189.472  | 243.848.312.763                     | 449.901.744.515                  | 52.733.545        | 1.266.258.980.295        |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        |                  |                                     |                                  |                   |                          |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                  |                                     |                                  |                   |                          |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                  |                                     |                                  |                   | <b>1.266.258.980.295</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                      |                  |                                     |                                  |                   |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 778.606.361.003  | 271.602.498.520                     | 736.061.341.361                  | 7.207.090.621     | 1.793.477.291.505        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            |                  |                                     |                                  |                   |                          |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                  |                                     |                                  |                   | 29.149.827.436           |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                  |                                     |                                  |                   | <b>1.822.627.118.941</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 663.779.109.610  | 249.721.224.065                     | 404.971.199.880                  | 52.733.545        | 1.318.524.267.100        |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        |                  |                                     |                                  |                   |                          |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                  |                                     |                                  |                   |                          |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                  |                                     |                                  |                   | <b>1.318.524.267.100</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh cho báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh hồi tố và trình bày lại như sau:

|  | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh    | Số liệu sau điều chỉnh | Ghi chú        |
|--|-------|--------------------------|-------------------|------------------------|----------------|
| <b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>                 |       |                          |                   |                        |                |
| Phải thu ngắn hạn khác                               | 136   | 214.058.832.727          | 47.058.345.000    | 261.117.177.727        | (ii), (iii)    |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                   | 137   | (10.775.776.791)         | (204.022.288.429) | (214.798.065.220)      | (iv)           |
| Hàng tồn kho   | 141   | 480.040.399.498          | (26.579.040.454)  | 453.461.359.044        | (iii)          |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết              | 252   | 62.623.422.813           | (35.273.595.377)  | 27.349.827.436         | (ii), (v)      |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                       | 262   | 2.764.766.533            | (2.756.777.115)   | 7.989.418              |                |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                            | 315   | 153.515.412.142          | 11.582.087.192    | 165.097.499.334        | (vi)           |
| Phải trả ngắn hạn khác                               | 319   | 163.143.765.275          | (10.112.005.662)  | 153.031.759.613        | (vi), (vii)    |
| Phải trả dài hạn khác                                | 337   | -                        | 1.010.625.000     | 1.010.625.000          | (vii)          |
| Vay và nợ thuế tài chính dài hạn                     | 338   | 417.580.594.891          | (204.994.477)     | 417.375.600.414        |                |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                    | 421   | 36.184.799.713           | (210.065.102.206) | (173.880.302.493)      | (i), (iv), (v) |
| <b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b> |       |                          |                   |                        |                |
| Chi phí tài chính                                    | 22    | 11.255.081.693           | 6.561.961.085     | 17.817.042.778         | (ix)           |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại          | 52    | (2.735.833.951)          | 2.756.777.115     | 20.943.164             | (xi)           |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp             | 60    | 2.641.443.129            | (210.065.102.206) | (207.423.659.077)      |                |
| <b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>           |       |                          |                   |                        |                |
| Lợi nhuận trước thuế                                 | 01    | 15.241.040.808           | (207.308.325.091) | (192.067.284.283)      |                |
| Các khoản dự phòng                                   | 03    | (26.502.500.019)         | 204.022.288.429   | 177.519.788.410        |                |
| Chi phí lãi vay                                      | 06    | 18.021.089.220           | 2.379.335.900     | 20.400.425.120         |                |
| Tăng, giảm các khoản phải thu                        | 09    | (91.455.254.471)         | 339.745.377       | (91.115.509.094)       |                |
| Tăng, giảm hàng tồn kho                              | 10    | (2.441.492.535)          | 14.454.545.454    | 12.013.052.919         |                |
| Tăng, giảm các khoản phải trả                        | 11    | 46.091.683.115           | (103.623.848)     | 45.988.059.267         |                |

Các điều chỉnh bao gồm:

|       | Nội dung   | Số tiền         |
|-------|--|-----------------|
| (ii)  | Phân loại lại khoản phải thu Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Xây dựng Bách Giang - DCI - Phải thu tiền hợp tác kinh doanh Dự án Khu Đô thị phía Đông huyện Văn Giang đang được phân ánh trên khoản mục "Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết" | 35.000.000.000  |
| (iii) | Phân loại lại hàng hòa tồn kho đã cho Công ty TNHH Ngọc Quyền mượn sang khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác"   | 12.124.495.000  |
| (iv)  | Trích lập bổ sung dự phòng công nợ phải thu khó đòi đến 31 tháng 12 năm 2017   | 204.022.288.429 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

|        |   |                |
|--------|---|----------------|
| (v)    | Xác định lại khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu  | 35.273.595.377 |
| (vi)   | Phân loại lại chi phí lãi vay ngân hàng phải trả đang theo dõi trên khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác"                        | 11.582.087.192 |
| (vii)  | Phân loại lại các khoản nhận Ký cược ký quỹ có thời hạn trên 1 năm đang phản ánh trên "Khoản mục Phải trả ngắn hạn khác hạn." | 9.101.380.662  |
| (viii) | Phân loại lại chi phí lãi vay đang được phản ánh vào "giá vốn hàng bán"   | 6.561.961.085  |

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐQT về việc thống nhất thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng, số lượng 1.673.036 cổ phần bằng hình thức chuyển nhượng cho đối tác khác, với giá chuyển nhượng đảm bảo không thấp hơn vốn đã thực góp.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 02 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Hoàng Mạnh Tuấn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chinh Lương

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

